

Bản án số: 347/2023/DS-PT

Ngày: 23/8/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2023/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2301/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Hữu H, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: khu phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Hữu H: Ông Nguyễn Vũ B, sinh năm 1977, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn D: Ông Trần N, sinh năm 1985, địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Thu H: Ông Hoàng Việt H, sinh năm 1981, địa chỉ: Khu phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

*** Người kháng cáo:** Bà Trần Hữu H, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: khu phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo bản án sơ thẩm:**

Theo đơn khởi kiện của bà Trần Hữu H và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Hữu H là ông Nguyễn Vũ B trình bày:

Ngày 28/02/2022, bà Trần Hữu H có cho ông Lê Văn D vay số tiền 500.000.000 đồng, khi vay tiền ông D có nói để phục vụ chi tiêu trong gia đình, đồng thời hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng và thỏa thuận bằng lời nói lãi suất vay là 2%/tháng, lãi được trả hằng tháng. Ông D ký tên xác nhận vào “Giấy mượn tiền” ngày 28/02/2022. Sau khi vay thì ông D không trả được khoản tiền lãi nào cho bà H. Đến hạn thanh toán tiền vay, bà Trần Hữu H nhiều lần liên hệ yêu cầu ông D trả tiền nợ vay nhưng ông D không thực hiện.

Nay bà Trần Hữu H khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn D và vợ là bà Phạm Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Hữu H số tiền nợ vay gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 28/02/2022 đến ngày 28/8/2022, với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thành tiền là 24.900.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 524.900.000 đồng.

Lý do nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Thị Thu H cùng liên đới trả nợ vì khoản nợ vay này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông D và bà Thu H; trong thời kỳ hôn nhân thì bà Thu H và ông D có ký tên trong các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/01/2022 mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án thu thập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc T.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do bà Hữu H không biết ngày nào Tòa xét xử vụ án nên trong đơn khởi kiện bà Hữu H yêu cầu tính lãi từ ngày 28/02/2022 đến ngày 28/8/2022, nhưng thực tế ý chí của bà Hữu H là yêu cầu tính lãi từ ngày 28/02/2022 đến ngày xét xử. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc 500.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 28/02/2022 đến ngày xét xử, với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Tại bản khai, biên bản hòa giải người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn D là ông Trần N trình bày:

Ngày 28/02/2022, ông D có vay của bà Trần Hữu H số tiền là 500.000.000 đồng hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất là 2%/tháng, thời hạn trả lãi là cùng thời điểm trả nợ vay gốc. Ông D có ký tên và viết họ tên “Lê Văn D” vào tờ “Giấy mượn tiền” mà bà Trần Hữu H đã nộp cho Tòa án. Đến hạn trả nợ, ông D gặp khó khăn về kinh tế nên không trả được nợ vay cho bà H theo thỏa thuận. Thời điểm vay tiền thì ông D và bà Phạm Thị Thu H đã sống ly thân. Ông D vay tiền của bà Trần Hữu H để cho bạn bè mượn, đây là nợ riêng của cá nhân ông D, phía bà Thu H không biết gì về khoản vay này, cũng không có sử dụng tiền vay nên không có trách nhiệm gì đối với khoản nợ vay này.

Ông D đồng ý trả số tiền nợ vay gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/02/2022 đến ngày 28/8/2022 với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thành tiền lãi là 24.900.000 đồng cho bà Trần Hữu H.

Tại bản khai, biên bản hòa giải người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thu H là ông Hoàng Việt H trình bày:

Bà Thu H không biết gì về việc vay tiền giữa ông D và bà Trần Hữu H đối với số tiền này. Bà Thu H cũng không biết ông D vay tiền để làm gì, sử dụng vào mục đích gì. Bà Thu H cũng không có sử dụng số tiền vay này. Cá nhân ông D vay tiền của bà Hữu H không thông qua ý kiến của bà Thu H, do đó ông D phải tự chịu trách nhiệm trả số tiền nợ vay này. Bà Thu H không đồng ý liên đới cùng ông D trả số tiền nợ gốc và lãi cho nguyên đơn.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện M đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2023/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hữu H cụ thể:

1. Buộc ông Lê Văn D có nghĩa vụ trả cho bà Trần Hữu H số tiền nợ vay gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 24.900.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, chín trăm ngàn đồng), tổng cộng là 524.900.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm ngàn đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hữu H về việc yêu cầu bà Phạm Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới cùng ông Lê Văn D trả cho bà Trần Hữu H số tiền nợ vay gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 24.900.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, chín trăm ngàn đồng),

tổng cộng là 524.900.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm ngàn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/5/2023 nguyên đơn bà Trần Hữu H kháng cáo đề yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ quan điểm kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc trách nhiệm liên đới của bà Phạm Thị Thu H cùng với ông Lê Văn D trả khoản nợ cho bà Trần Hữu H số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi 24.900.000 đồng, đồng thời không kháng cáo đối với số tiền lãi, đồng ý với số tiền lãi theo bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của của nguyên đơn bà Trần Hữu H; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2023/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Hữu H trong thời hạn luật định và đúng qui định của pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Theo “giấy mượn tiền” ngày 28/02/2022 thể hiện ông Lê Văn D có mượn số tiền 500.000.000 đồng của bà Trần Hữu H, trong thời hạn 06 tháng ông D sẽ hoàn trả số tiền trên cho bà Trần Hữu H. Trong giấy mượn tiền có chữ ký và chữ viết của ông Lê Văn D, đồng thời ông D cũng thừa nhận có mượn số tiền 500.000.000 đồng của bà Trần Hữu H. Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa ông D với bà Hữu H được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối đe dọa nên hợp đồng này là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông D phải có nghĩa vụ trả cho bà Hữu H số tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi là phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc trách nhiệm liên đới giữa ông Lê Văn D và bà Phạm Thị Thu H đối với số tiền nợ gốc và tiền lãi.

[4.1] Xét thấy, mặc dù việc vay tiền giữa ông D và bà Trần Hữu H phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông D với bà Phạm Thị Thu H nhưng trong “Giấy nhận nợ” ngày 28/02/2022 không có chữ ký của bà Phạm Thị Thu H. Đồng thời, ông D và bà Thu H đều khẳng định, bà Thu H không biết gì về khoản vay này và bà Thu H cũng không sử dụng số tiền 500.000.000 đồng. Bà Hữu H cho rằng ông D và bà Thu H cùng đứng tên xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì cũng không có cơ sở khẳng định bà Thu H có sử dụng số tiền mà ông D đã vay của bà Hữu H. Mặt khác, bà Hữu H cho ông D vay khoản tiền rất lớn (500.000.000 đồng) thì không thể coi là giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Ngoài ra, bà Hữu H không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông D vay tiền nhằm mục đích chi tiêu trong gia đình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Thu H có nghĩa vụ liên đới cùng ông D trả nợ vay gốc và lãi cho bà Trần Hữu H là phù hợp.

[4.2] Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn bà Trần Hữu H yêu cầu ông D và bà Thu H trả số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 0.83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 28/02/2022 đến ngày 28/8/2022. Phía bị đơn ông Lê Văn D đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn không có đơn khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu tính lãi từ sau ngày 28/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm khi được Hội đồng xét xử giải thích và hỏi ý kiến thì người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không có yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để nguyên đơn khởi kiện bổ sung đối với yêu cầu tính lãi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận việc tính lãi từ ngày 28/02/2022 đến ngày 28/8/2022 với số tiền lãi là 24.900.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Hữu H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Hữu H.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Hữu H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Trần Hữu H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2023/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, Cụ thể:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hữu H cụ thể:

1. Buộc ông Lê Văn D có nghĩa vụ trả cho bà Trần Hữu H số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 24.900.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, chín trăm ngàn đồng), tổng cộng là 524.900.000 đồng (Năm trăm, hai mươi bốn triệu, chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hữu H về việc yêu cầu bà Phạm Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới cùng ông Lê Văn D trả cho bà Trần Hữu H số tiền nợ vay gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 24.900.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, chín trăm ngàn đồng), tổng cộng là 524.900.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm ngàn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn D chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 24.996.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, chín trăm, chín mươi sáu ngàn đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 12.498.000 đồng (Mười hai triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số

0001048 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre cho bà Trần Hữu H.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Hữu H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0006628 ngày 02/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre ;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Phòng KTNV và THA; VP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hữu Lương

